TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VỊ THỦY** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST
Ngày 27 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bé Ngọc.
2. Ông Nguyễn Đông Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Phước Lộc - Thư ký viên, Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Nam - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 57/2024/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phùng Văn Q; sinh năm 1999 tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Nơi cư trú: Ấp P, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn C và bà Trần Thị D; chưa có vợ và chưa có con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính, xử lý kỷ luật; bị bắt, tạm giam ngày 24/4/2024 và đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang. (Có mặt)

- Bị hại:

1. Trương Thị P - Sinh năm: 1972. (Vắng mặt)

2. Nguyễn Văn Út N - Sinh năm: 1969. (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Phạm Thị H - Sinh năm: 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm C, phường L, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 24/4/2024, Công an xã V tiếp nhận tin báo của ông Nguyễn Văn Út N về việc mất số tiền 120.000.000 đồng để trong két sắt. Qua khám nghiệm hiện trường trích xuất dữ liệu camera nhà ông Út N phát hiện lúc 22 giờ 52 phút ngày 23/4/2024 có một đối tượng là nam giới đột nhập vào nhà. Qua hình ảnh camera ông Út N xác định được nam thanh niên đột nhập vào nhà ông là Phùng Văn Q là người làm thuê cho ông Út N. Trước đó mấy ngày Q xin nghỉ do bị ngã xe và về nhà tại tỉnh Bạc Liêu. Quá trình điều tra xác định như sau:

Khi làm thuê cho ông Út N, Q biết được ông Út N thường để tài sản trong két sắt và biết chỗ ông Út N để chìa khoá két sắt nên vào tối ngày 23/4/2024 Q từ tỉnh Bạc Liêu đến huyện V thuê nhà trọ, đến khoảng 21 giờ cùng ngày Q từ nhà trọ chạy xe mô tô đến nhà ông Út N để tìm cách vào trộm tài sản. Khi đến nơi Q phát hiện còn người đang làm cặp bên nhà nên Quốc nấp vào bụi chuối gần đó để chờ đợi. Đến khoảng hơn 22 giờ Q đột nhập vào nhà ông Út N đến đầu tủ áo lấy chìa khoá mở két sắt lấy trộm tiền. Sau đó, Quốc đóng két sắt lại và mang chìa khoá để lại chỗ cũ, khi trộm xong Q chạy về nhà trọ Quốc đếm được số tiền 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng). Sau khi trộm được tiền Q chạy về tỉnh Bạc Liêu và cho bạn gái mới quen tên Phạm Thị H.

Đến sáng ngày 24/4/2024 Q lấy tiền trộm được và chiếc xe cũ của Q đến cửa hàng xe máy Quốc Thắng do anh Lâm Hoàng Ứ, sinh năm 1986, đăng ký thường trú: Ấp L, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu làm chủ, mua một xe mô tô SUZUKI hiệu Satria với giá 53.000.000đ (năm mươi ba triệu đồng), Quốc đổi xe cũ và bù thêm 33.000.000 đồng. Sau khi mua xe xong Q về nhà thì bị Công an huyện V bắt giữ, tạm giữ xe và số tiền còn lại 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng). Sau khi được Q cho tiền H đã dùng tiền đó mua vàng (lắc tay và nhẫn). Ngày 24/4/2024 Cơ quan điều tra mời làm việc H đã tự nguyện giao nộp nhẫn và lắc vàng.

Việc thu giữ, tạm giữ vật chứng, đồ vật, tài liệu: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang đã thu giữ, tạm giữ:

- 01 xe mô tô SUZUKI hiệu Satria không biển kiểm soát, số máy: CGA1ID245721; số khung: MH8DL11AZNJ245700;

- T 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng).

- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng.

Xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang đã trả lại cho chủ sở hữu ông Nguyễn Văn Út N và bà Trương Thị P:

- 01 xe mô tô SUZUKI hiệu Satria không biển kiểm soát, số máy: CGA1ID245721; số khung: MH8DL11AZNJ245700;

- T 51.000.000đ (năm mươi mốt triệu đồng).

- 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng, 01 lắc tay bằng kim loại màu vàng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Út N và bà Trương Thị P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tài sản bồi thường và không có yêu cầu thêm về trách nhiệm dân sự.

Tại Cáo trạng số 54/CT-VKS-HVT ngày 07 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Phùng Văn Q có lý lịch và hành vi phạm tội nêu trên ra trước Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang để xét xử về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố: Bị cáo Phùng Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phùng Văn Q từ 12 tháng tù đến 18 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý xong các vật chứng được thu giữ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị hại Nguyễn Văn Út N: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tài sản bồi thường nên không yêu cầu bồi thường thêm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án còn có đồng phạm khác hay không và ngoài tài sản bị trộm cắp trong vụ án này bị hại còn bị mất 01 cái điện thoại di động và số tiền 54.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

[2] Bị hại Trương Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phạm Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Xét thấy sự vắng mặt của bị hại không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Về nội dung vụ án:

[3] Tại phiên toà bị cáo Phùng Văn Q thừa nhận hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện theo như nội dung của bản cáo trạng đã truy tố. Qua phân tích, đánh giá những vấn đề được tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu được thể hiện trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, đã có đủ cơ sở chứng minh được rằng:

[4] Vào ngày 23/4/2024, tại Ấp C, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang, bị cáo Phùng Văn Q đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là số tiền 120.000.000 đồng của vợ, chồng bà Trương Thị P và ông Nguyễn Văn Út N.

[5] Hành vi của bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt 120.000.000 đồng đã cấu thành tội phạm "Trộm cắp tài sản" với tình tiết định khung *"Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng"* theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang truy tố bị cáo Phùng Văn Q về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ đồng thời ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[7] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tích cực, chủ động giao nộp lại tài sản chiếm đoạt để bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ theo theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần phải xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn tương xứng để đảm bảo cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên đủ điều kiện để áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự về quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu và biết ăn năn hối cải.

[11] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại ông Nguyễn Văn Út N và bà Trương Thị P đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và tài sản bồi thường. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị hại không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan tiến hành tố tụng đã xử lý xong các vật chứng được thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về hành vi của các đối tượng khác có liên quan trong vụ án:

[13] Đối với đối tượng Phạm Thị H, quá trình điều tra không chứng minh được H có biết số tiền bị cáo cho H là do bị cáo phạm tội mà có nên không đủ căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự. Đối với ý kiến của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trong vụ án còn có đồng phạm khác hay không, quá trình điều tra cơ quan điều tra đã điều tra, làm rõ nhưng không chứng minh được còn có đồng phạm khác trong vụ án. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý về hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[14] Đối với ý kiến của bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ngoài tài sản bị trộm cắp trong vụ án này bị hại còn bị mất 01 cái điện thoại di động và số tiền 54.000.000 đồng, quá trình điều tra không chứng minh được có liên quan

đến bị cáo Phùng Văn Q và chưa chứng minh được có hành vi phạm tội xảy ra hay không và ai là người thực hiện hành vi phạm tội nên không xem xét xử lý trọng vụ án này là có căn cứ. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Hậu Giang tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[15] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[16] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Phùng Văn Q phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phùng Văn Q 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24 tháng 4 năm 2024.

3. Về biện pháp ngăn chặn: Căn cứ vào Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để bảo đảm thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Bị cáo Phùng Văn Q phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- CA huyện Vị Thủy (CQĐT, Nhà tạm giữ);
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- CA xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo; bị hại; đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Thị Ánh Trúc